

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HST+AMD	7:25	3+19	0+0		3+19	0+0	
2		TD1	7:25	22	0		22	0	
3		CLO	7:25	22	0		22	0	
4		RP3+GTC1	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
5		VSP01+P6	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
6		VSP01+BK15	9:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
7		PPD+BK4	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
8		P5+P4+P9	9:25	4+17+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
9		P8+CLO	9:25	14+8	0+0		8+14	0+0	
10		P6	9:25	22	0		17	0	
11		TD1+AMD+HST	11:25	8+14+0	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
12		RP2+P8+TTC2	11:25	6+10+6	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
13		PPD+BK8+RP3	11:25	11+0+11	0+0+0		4+2+14	0+0+0	Chuyen 3 PPD- RP3
14		RP3+P1	13:25	22+0	0+0		10+9	0+0	
15		RP3+RC6	13:25	22+0	0+0		8+3	0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Di về trong ngày HST - 3 người



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	TO: HST - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HÙNG - MTHAO - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN PHU NGOC	HST	01-02	2	7		58	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC CHI HIEU	HST	03	1	4		72	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUC	HST					66	TLJOC	Vietnamese
4	NGO SY DUC	AMD	51-52	2	18		74	HLJOC	Vietnamese
5	CAO HUU CHIEU	AMD	53-54	2	16		55	HLJOC	Vietnamese
6	TRINH THUONG MAI	AMD	62-63	2	12		60	TLJOC	Vietnamese
7	DUONG NHAT QUANG	AMD	60-61	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI XUAN TAO	AMD	57-58	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TAN	AMD	64-65	2	10	70	74	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DUC TAM	AMD	49-50	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAN	AMD	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	DUONG VAN DONG	AMD	48	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HAU	AMD	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DINH HIEU	AMD	46	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HONG LINH	AMD	55-56	2	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO DUC HUY	AMD	41	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
17	VU NGOC DUONG	AMD	66	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH VAN PHA	AMD	44	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN QUYET	AMD	67	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THU	AMD	47	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH PHUC AM	AMD	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VAN HUONG	AMD	43	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	3	3	11	196	0	3		
2	AMD	19	27	148	1.287	70	19		
TOTAL		22	30	159	1.483	70	22		
WEIGHT KG				159	1.483	70			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1	CREW: Nam - VLin - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HÀ	TD1	92-93	2	15		79	KHOAN	Vietnamese
2	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	21	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
3	TA QUANG THANH	TD1	36-37	2	11		64	YTE	Vietnamese
4	ĐỖ MINH SƠN	TD1	20	1	5		68	APAVE	Vietnamese
5	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	24	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUY	TD1	89	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN PHONG	TD1	22	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	86	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
9	TRÌNH HUY TOÀN	TD1	85	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM QUANG ANH	TD1	88	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	600	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NGOC SƠN	TD1	99	1	3	70	55	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	84	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDT	TD1	23	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HỮU HẠ	TD1	95	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH CHÍ CÔNG	TD1	94	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD1	98	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	DANG TRONG THUC	TD1	27-29	3	15		75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	TD1	96-97	2	15		64	DVL	Vietnamese
20	VŨ ANH TRỌNG	TD1	87	1	8		68	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN THIỆU BÌNH	TD1	90-91	2	15		61	DVL	Vietnamese
22	LÊ VĂN UAN	TD1	25	1	7		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	28	171	1.460	70	22		
TOTAL		22	28	171	1.460	70	22		
WEIGHT KG				171	1.460	70			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	TO: CLO	CREW: Vận - XTrường - N Nam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN A.V	CLO	55	1	15	20	97	KHOAN	Russian
2	ĐINH XUÂN PHU*TT	CLO	58	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TOÀN	CLO	75	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	CLO	50	1	15	18	72	YTE	Vietnamese
5	ĐINH DUY HÙNG	CLO	52	1	7		82	APAVE	Vietnamese
6	PHAN QUANG HIỂN	CLO	53-54	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	68	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHÙNG BA TUẤT	CLO	62	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
9	NG VĂN THỊN*MC-PVD	CLO	65-66	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	67	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	59	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUÂN DUY	CLO	69	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	NG VĂN LỰC*CAM-PVDT	CLO	61	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN SỸ LONG	CLO	60	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN QUYNH	CLO	64	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TRUNG THUY	CLO	71	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HẬU	CLO	72	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG LONG HAI	CLO	76	1	5	12	89	KH-THAC	Vietnamese
20	YANCHENKO	CLO	63	1	11		79	ANTOAN	Russian
21	VŨ ANH MINH	CLO	56-57	2	18		74	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN NAM SƠN	CLO	73-74	2	12		80	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	26	186	1.623	50	22		
TOTAL		22	26	186	1.623	50	22		
WEIGHT KG				186	1.623	50			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 04	TO: RP3 - GTC1	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 09:35
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	30	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ANH TUÂN	RP3	38	1	9	135	70	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG TUÂN ANH	RP3	40	1	7		83	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	44	1	4		76	KHI	Vietnamese
5	PANKRATOV P.E	RP3	32	1	10		88	KHI	Russian
6	BUI VĂN PHÚ	RP3	37	1	5		50	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	31	1	5		82	KHI	Vietnamese
8	VU MẠNH CƯỜNG	RP3	33	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG ANH	RP3	49	1	7	32	70	KHI	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	48	1	4	40	73	KHI	Vietnamese
11	BUI VĂN HÙNG	RP3	43	1	3		71	KHI	Vietnamese
12	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	45	1	6		80	KHI	Vietnamese
13	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	47	1	5		76	KHI	Vietnamese
14	ĐUƠNG HỒNG QUÂN	RP3	39	1	3		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	34	1	5		83	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TẮT THÀNH	RP3	46	1	5		68	KHI	Vietnamese
18	LÊ XUÂN HIỂN	RP3	35	1	5		71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BÌNH	RP3					67	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	36	1	4		65	KHI	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	41	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	RP3	42	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	20	110	1.600	207	17		
2	GTC1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	20	110	1.600	207	22		
WEIGHT KG				110	1.600	207			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 05	TO: VSP01 - P6	CREW: VThắng - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:20
NAU-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUANG THÀNH	VSP01	17-18	2	10		66	YTE	Vietnamese
2	POPOV A.A.	VSP01	21	1	5		120	KH-THAC	Russian
3	PASKEVICH V.V.	VSP01	20	1	12		100	KH-THAC	Russian
4	TRƯỜNG HIỀN	VSP01	22	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ QUANG HUY	VSP01	23-25	3	18		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	19	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	GURIN V.V.	VSP01	16	1	5		103	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN NGỌC LÂN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BÌNH	VSP01	26	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH QUANG TRUNG	P6	12	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGŨ HOÀN	P6	01-02	2	20		67	YTE	Vietnamese
13	GOLOVIN	P6	08	1	15		110	KH-THAC	Russian
14	HOANG TUÂN	P6	07	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	13	1	12	70	68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN CỬ	P6	03	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI MẠNH KHÁNH CUÔNG	P6	11	1	8	30	80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THIN	P6	06	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	09	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	10	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ THANH ĐO	P6	05	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM VĂN KHƯƠNG	P6	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	10	11	69	859	0	8		
2	P6	12	13	95	855	100	14		
TOTAL		22	24	164	1.714	100	22		
WEIGHT KG				164	1.714	100			

GRAND TOAL: 1.978 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	TO: VSP01 - BK15	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	30	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	36	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	28	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH VĂN THON	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	27	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	37	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	29	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
12	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	31-32	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	35	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	34	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	33	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	GEFTMAN M. R.	VSP01	40	1	10		96	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01					72	PSV	Vietnamese
18	ĐO XUÂN LINH	BK15	63	1	7		85	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOAI NAM	BK15	03-05	3	17	55	70	CODIEN	Vietnamese
20	HOANG QUỐC HUY	BK15	57	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK15	36	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	17	14	83	1.207	0	16		
2	BK15	4	6	40	297	55	6		
TOTAL		21	20	123	1.504	55	22		
WEIGHT KG				123	1.504	55			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: PPD - BK4	CREW: Nam - VLinh - THU	ETA: 11:15
TIM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	06	1	5		95	KHI	Vietnamese
2	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	09	1	4		70	KHI	Vietnamese
3	ĐINH NGỌC QUÝ	PPD	17	1	3		74	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD					75	KHI	Vietnamese
5	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	01	1	5		60	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	19-20	2	10		65	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	05	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	03	1	6		55	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	16	1	5		95	KHI	Vietnamese
10	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	04	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	14	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	10	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	LÊ HỒNG PHONG	PPD	08	1	5		80	KHI	Vietnamese
14	ĐẠO ANH TUÂN	PPD	07	1	4		66	KHI	Vietnamese
15	LÊ HUY VINH	PPD	18	1	4		63	KHI	Vietnamese
16	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	21	1	7		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	02	1	4		58	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LÂN	PPD	15	1	4		82	KHI	Vietnamese
19	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	11	1	4		70	KHI	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	12	1	6		80	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	22	1	4		65	KHI	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THIẾT	PPD	13	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	103	1.557	0	18		
2	BK4	0	0	0	0	50	4		
TOTAL		22	22	103	1.557	50	22		
WEIGHT KG				103	1.557	50			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	TO: P5 - P4 - P9	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 11:35
trang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	P5	72	1	12	15	74	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TRỌNG NHIÊN	P5	73	1	12		52	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	P5	74	1	14		83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU NAM	P5	75	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	70	1	5		82	KHI	Vietnamese
6	HOANG VAN HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P4					70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HA	P4	75	1	2		70	KHI	Vietnamese
9	DOÀN THANH CÔNG	P4	67-68	2	12		72	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	66	1	6	85	76	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	74	1	4		56	KHI	Vietnamese
12	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	69	1	6		71	KHI	Vietnamese
13	TẠ VĂN QUYNH	P4					74	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	71	1	3		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	P4	78	1	5		60	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THAI	P4	79	1	4		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	72	1	5		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG NAM	P4	73	1	5		64	KHI	Vietnamese
19	LÊ HUY CHUÔNG	P4	77	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU THAO	P4	76	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CHÍN	P4	80-81	2	8		76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	4	4	43	255	15	0		
2	P4	17	16	84	1.186	85	20		
3	P9	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	20	127	1.441	100	22		
WEIGHT KG				127	1.441	100			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	TO: P8 - CLO	CREW: Vận - XTrường - N Nam	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUY	P8				5	65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	01-02	2	17	60	85	YTE	Vietnamese
3	OVCHARENKO A N	P8	94	1	5		90	KH-THAC	Russian
4	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8	63	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG VĂN QUYẾT	P8	66	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TUẤN ANH	P8	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG HIỀN	P8					74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÂN	P8	98	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	95	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	64	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P8	97	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	96	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	65	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN LỢI	P8	99,200	2	17		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	79	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG DIỄN	CLO	81	1	3		63	PSV	Vietnamese
17	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	84	1	3		57	PSV	Vietnamese
18	HOANG HỮU THỌ	CLO	80	1	2		77	PSV	Vietnamese
19	HOANG NGỌC HOÀ	CLO	82	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN HÙNG	CLO	85	1	2		60	PSV	Vietnamese
21	PHẠM MINH ĐỨC	CLO	86	1	5		87	PSV	Vietnamese
22	ĐỖ HUY KHANH	CLO	83	1	8		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	14	14	78	945	65	9		
2	CLO	8	8	34	559	0	13		
TOTAL		22	22	112	1.504	65	22		
WEIGHT KG				112	1.504	65			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 10	TO: P6	CREW: VThắng - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỒNG XUÂN PHÚ	P6	53	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HOÀNG TÙNG	P6	52	1	4	18	67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ VĂN SÁNG	P6	38	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	39	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC AN	P6	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO KIM SÂM	P6	45	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HUY THÔNG	P6	46-47	2	5	18	79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	31	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG	P6	40	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THAI SƠN	P6	41	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TUẤN VŨ	P6	32-33	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG ĐÀN	P6	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO MINH HOÀNG	P6	29-30	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ HOÀNG NAM	P6	42	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI ĐỨC HẬU	P6	49	1	7	50	64	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THỦ	P6	48	1	6		51	CODIEN	Vietnamese
17	NINH VĂN SƠN	P6	35-36	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT B	P6	43	1	6		68	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	37	1	6		73	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P6	51	1	5		64	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN HUY	P6	50	1	5		84	GETRACO	Vietnamese
22	LÊ VĂN HẠN	P6	28	1	5		61	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	26	145	1.520	86	17		
	TOTAL	22	26	145	1.520	86	17		
	WEIGHT KG			145	1.520	86			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	TO: TD1 - AMD - HST	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - Duong - Huy	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH SƠN	TD1	45	1	5		75	PSV	Vietnamese
2	HOANG VĂN BAY	TD1	38	1	3		57	PSV	Vietnamese
3	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	40	1	3		70	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THUẬT	TD1	41	1	3		80	PSV	Vietnamese
5	ĐẠU ĐỨC HUNG	TD1	42	1	5		75	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	39	1	4		70	PSV	Vietnamese
7	ĐẠU VIỆT BẮC	TD1	43	1	3		75	PSV	Vietnamese
8	VŨ VĂN PHÚC	TD1	44	1	3		55	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	AMD	90	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	AMD	82-83	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	78	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG HO NGHIA	AMD	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	80-81	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN TRUNG DUNG	AMD	75	1	7		70	ANPHA	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	84	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	85-86	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VĂN BẮC	AMD	79	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ANH TUẤN	AMD	76-77	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG SÁNG	AMD	73-74	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH KHOAN	AMD	91	1	5		55	NIPI	Vietnamese
21	BUI ĐÌNH PHI	AMD	88-89	2	16		60	NIPI	Vietnamese
22	PHAN VĂN HÒA	AMD	87	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	8	29	557	0	6		
2	AMD	14	20	155	942	0	12		
3	HST	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	28	184	1.499	0	22		
WEIGHT KG				184	1.499	0			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	TO: RP2 - P8 - TTC2	CREW: Hạnh - Mạnh - DTùng	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HẢI	RP2	81-82	2	17		73	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG BAI	RP2	80	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG LINH	RP2	77	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN NGHI	RP2	83	1	12	35	67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN DUY KHANH	RP2	78-79	2	16	40	79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	RP2	75-76	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P8	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	10	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HOÀNG	P8	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH VINH	P8	11	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	14	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
13	TIKHOHOB A H	P8	07	1	8		87	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	06	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	15	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	09	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2					67	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	84	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
19	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2					65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	85	1	7	40	79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	83	1	4		71	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐẶNG TƯỜNG ANH	TTC2	86	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	6	9	85	429	75	0		
2	P8	10	10	55	699	0	14		
3	TTC2	6	4	21	388	40	7		
TOTAL		22	23	161	1.516	115	21		
WEIGHT KG				161	1.516	115			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2020	TO: PPD - BK8 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: VThắng - KHOÀN - QTrưởng	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN KHAI	PPD	31-32	2	12		55	KHI	Vietnamese
2	CAO VĂN HIỀN	PPD	30	1	7	44	62	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BA HUNG	PPD	28-29	2	18		75	KHI	Vietnamese
4	HUYNH THANH LAM	PPD	25	1	10		74	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÌNH	PPD	26	1	8	22	76	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TOÀN	PPD	23	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI MINH TRI	PPD	41-42	2	13		80	T-TIN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN MẠNH	PPD	27	1	7		65	PSV	Vietnamese
9	NGO VĂN GIAO	PPD	24	1	6		93	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HUU NGHIEM	PPD	33	1	7		58	PSV	Vietnamese
11	LE VĂN TỤNG	PPD	44	1	3		62	PSV	Vietnamese
12	VU XUÂN TAM	RP3	67	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG MINH TUAN	RP3	78	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
14	LUONG ĐỨC GIANG	RP3	76	1	13		75	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HOANG	RP3	77	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM THAI SƠN	RP3	69-70	2	15		56	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN CAO TUÂN	RP3	71	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
18	NÔNG MINH HAI	RP3	57	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
19	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	75	1	13		85	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HẠNH	RP3	72-73	2	16		54	CODIEN	Vietnamese
21	ĐỖ VIỆT LONG	RP3	68	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
22	LƯU VĂN DÂN	RP3	79	1	10		64	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	14	101	772	66	4 + 3		CHUYEN 3 PAX TU PPD SANG RP3
2	BK8	0	0	0	0	0	2		
3	RP3	11	13	124	747	0	14		
TOTAL		22	27	225	1.519	66	20		
WEIGHT KG				225	1.519	66			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:30
FLIGHT: 14	TO: RP3 - P1	CREW: Khang - Duong - Huy	ETA: 15:10
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC BIỂU	RP3	83	1	9		66	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	RP3	96	1	10		101	CODIEN	Vietnamese
3	ĐÌNH MAI THIÊN	RP3	84	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
4	MAI ĐÌNH KHANG	RP3	97	1	8		46	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC MINH	RP3	68	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
6	VƯƠNG QUỐC VIỆT	RP3	67	1	6		62	CODIEN	Vietnamese
7	PHAN SỸ DUYỆT	RP3	79	1	8		77	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	RP3	57-58	2	12		61	KHI	Vietnamese
9	LẠI VĂN MINH	RP3	87	1	9		62	KHI	Vietnamese
10	TÀ PHI KHANH	RP3	55	1	3		74	KHI	Vietnamese
11	PHẠM PHI BAO	RP3	66	1	7		64	KHI	Vietnamese
12	PHAN MẠNH TOÀN	RP3	91-93	3	15		69	KHI	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC QUANG	RP3	98-99	2	12		69	KHI	Vietnamese
14	PHAN MINH HIẾU	RP3	80-82	3	15		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	56	1	8		65	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	88-90	3	15		67	KHI	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN HÙNG	RP3	59-61	3	15		79	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN CHUNG	RP3	94-95	2	15		73	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RP3	85	1	8	63	71	KHI	Vietnamese
20	PHẠM VĂN QUÂN	RP3	86	1	12		73	KHI	Vietnamese
21	HOÀNG HUY HIỆU	RP3	62	1	10		56	KHI	Vietnamese
22	LUƠNG VĂN BẮC	RP3	63-65	3	15		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	35	234	1.521	63	10		
2	P1	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	35	234	1.521	63	19		
WEIGHT KG				234	1.521	63			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:35
FLIGHT: 15	TO: RP3 - RC6	CREW: Hạnh - Mạnh - DTùng	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY CHUNG	RP3	15-16	2	11		64	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY SƠN	RP3	14	1	10		59	KHI	Vietnamese
3	PHẠM QUYẾT TIẾN	RP3	13	1	8	40	67	KHI	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN TRIỂN	RP3	22	1	10	56	60	KHI	Vietnamese
5	LÊ TRUNG QUỐC HUY	RP3				21	56	KHI	Vietnamese
6	HÀ VĂN CĂN	RP3	02	1	10		60	KHI	Vietnamese
7	HÀ QUANG TRUNG	RP3	01	1	10		51	KHI	Vietnamese
8	LÊ HỮU HÀ	RP3	04	1	7		70	KHI	Vietnamese
9	TÔ ĐÌNH DUNG	RP3	26	1	10		68	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG THANH SƠN	RP3	17-18	2	10		73	KHI	Vietnamese
11	ĐÀU ĐÌNH TÂN	RP3	19	1	6		61	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BUÔNG	RP3	24	1	7		61	KHI	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN ĐẠT	RP3	21	1	7		64	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN HUY	RP3	23	1	6		65	KHI	Vietnamese
15	TÔ ĐÌNH CÔNG	RP3	20	1	7		50	KHI	Vietnamese
16	HỒ TRỌNG BẢNG	RP3	03	1	6		78	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH LỘC	RP3	08	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN QUANG NHÂN	RP3	12	1	7		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DUY	RP3	07	1	5		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP3	10	1	6		57	PSV	Vietnamese
21	BUI QUỐC DƯƠNG	RP3	09	1	6		57	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN ANH	RP3	11	1	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	164	1.372	117	12		
2	RC6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	164	1.372	117	15		
WEIGHT KG				164	1.372	117			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN